

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện
2. Ông Lê Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông NTT, sinh năm 1985; thường trú: Ấp PM, xã PV, huyện BD, tỉnh BT, có mặt.

- Bị đơn: Bà ĐTM, sinh năm 1985; thường trú: Ấp SR, xã XQ, huyện CM, tỉnh DN; tạm trú: 76A đường CMT8, khu phố BP, phường BN, thành phố TA, tỉnh BD, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Nguyễn Trung Trực trình bày:

Ông NTT và bà ĐTM tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vang, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 05/5/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà M ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau, có nhiều lần bà M cầm dao đe dọa và hủy hoại tài sản, bà M cũng có những tấm hình chụp chung với người đàn ông khác và đưa lên facebook, ông T không chấp nhận được những hành vi của bà M. Những mâu thuẫn này ông T cũng không báo chính quyền địa phương. Ông T đã bỏ nhà đi, ly thân với bà M từ tháng 6/2021 đến nay, ông T không còn quan tâm

gì đến bà M, mạnh ai nấy sống. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với bà ĐTM.

Về con chung: Có 01 con chung tên NNMA, sinh ngày 24/8/2020. Ông T đồng ý giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, ông T trực tiếp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

-Tại văn bản ngày 15/4/2022, lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn bà ĐTM trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông T về thời gian, điều kiện kết hôn. Tuy nhiên, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Ông T đi làm về không phụ giúp bà M phụ việc, không quan tâm vợ con, vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế, bản thân bà M vừa đi làm, vừa lo lắng kinh tế gia đình, ngoài ra có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, khi vợ chồng cãi nhau, ông T đòi bỏ đi thì bà M bực tức có hành động cầm dao vút ra sân và làm hư đồ đạc nhưng chỉ để làm cho ông T suy nghĩ lại, chứ không có ý làm tổn hại sức khỏe ông T. Hiện nay ông T nói không thương yêu bà, ông T nói chỉ cưới bà vì bà đã có bầu, do đó nếu ông T muốn yêu thương và chung sống với người phụ nữ khác bà cũng không có ý kiến, miễn sao không ly hôn là được, bà muốn con bà sống có đầy đủ tình yêu thương của cha mẹ. Ông T bỏ nhà đi từ tháng 6 năm 2021 đến nay, cắt đứt liên lạc với bà M, bà M không có cách nào liên lạc được với ông T, thi thoảng ông T có gửi tiền và quà về cho con được tầm khoảng 12.000.000 đồng chứ không về thăm con lần nào. Nay bà M xác định bà vẫn còn tình cảm với ông T, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên NNMA, sinh ngày 24/8/2020. Trường hợp tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn thì bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và yêu cầu cấp dưỡng 01 lần. Hiện nay bà kinh doanh bất động sản, thu nhập mỗi tháng từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà ĐTM hiện đang cư trú tại địa chỉ 76A đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Bình Phước, phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; nợ chung. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông NTT và bà ĐTM có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vang, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 05/5/2020, do đó quan hệ hôn nhân của ông Trục và bà Minh là hôn nhân hợp pháp.

Ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà M với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Bà M ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau, có nhiều lần bà M cầm dao đe dọa và hủy hoại tài sản, bà M cũng có những tấm hình chụp chung với người đàn ông khác và đưa lên facebook, ông T không chấp nhận được những hành vi của bà Minh. Bà M trình bày vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn như tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Ông T đi làm về không phụ giúp bà M việc nhà, không quan tâm vợ con, vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế, bản thân bà M vừa đi làm, vừa lo lắng kinh tế gia đình, ngoài ra có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, khi vợ chồng cãi nhau, ông T đòi bỏ đi thì bà M bức tức có hành động cầm dao vút ra sân và làm hư đồ đạc nhưng chỉ để làm cho ông T suy nghĩ lại, chứ không có ý làm tổn hại sức khỏe ông T. Hiện nay ông T nói không thương yêu bà, ông T nói chỉ cưới bà vì bà đã có bầu, do đó nếu ông T muốn yêu thương và chung sống với người phụ nữ khác bà cũng không có ý kiến, miễn sao không ly hôn là được, bà muốn con bà sống có đầy đủ tình yêu thương của cha mẹ. Tại phiên tòa cả ông Trục và bà Minh xác định ông bà đã sống ly thân với bà M từ tháng 6/2021 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông bà tại nơi cư trú, tuy nhiên địa phương không rõ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng ông T, bà M vì bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống có nhiều mâu thuẫn. Cả ông bà đều xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn như trình bày ở trên nên có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông T, bà M không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của ông T, bà M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc ly hôn với bà M

Về con chung: Có 01 con chung tên NNMA, sinh ngày 24/8/2020. Ông T đồng ý giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà

M đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung nuôi con trong trường hợp tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và yêu cầu cấp dưỡng 01 lần. Xét thấy, cháu MA hiện nay còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ hơn cha nên giao cháu MA cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về số tiền cấp dưỡng: Số tiền 3.000.000 đồng là phù hợp với tình hình hiện tại nên ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NTT về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bà ĐTM.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông NTT được ly hôn với bà ĐTM .

- Về con chung: Giao con chung NNMA, sinh ngày 24/8/2020 cho bà ĐTM trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông NTT có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông NTT phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ toàn

bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002242 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Ông T còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) .

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- THADS thành phố Thuận An;
- Dương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhâm